

Số: 99/2019/QĐST-HNGĐ

Uông Bí, ngày 24 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4, các khoản 1 và 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1) Chị Mai Phương T, sinh năm 19...; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2) Anh Phạm Văn N, sinh năm 19...; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Phương T và anh Phạm Văn N đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 06 tháng 01 năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ 3, khu Nam Sơn, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu theo chị T là do chồng chị hay rượu chè, có những lời lẽ xúc phạm chị, hai vợ chồng không chung quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, căng thẳng và không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, chị về nhà mẹ đẻ tôi ở tại tổ 8, khu Nam Sơn, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, không ai quan tâm đến ai nữa. Còn theo anh N, anh đồng ý với phần trình bày của chị T, anh nhận

thấy vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên là: Phạm Khánh N, sinh ngày ... và Phạm Ngọc A, sinh ngày Anh chị thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh N còn anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc A kể từ tháng 06 năm 2019 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự: Anh chị thỏa thuận: Chị T nộp 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản cùng lập ngày 14 tháng 6 năm 2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Phương T và anh Phạm Văn N cùng thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Mai Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh N, sinh ngày ... còn anh Phạm Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc A, sinh ngày ... kể từ tháng 06 năm 2019 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T và anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Mai Phương T và anh Phạm Văn N không đề nghị

giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Mai Phương T và anh Phạm Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Mai Phương T tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000890 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Mai Phương T đã nộp đủ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND P. Nam Khê,
TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm